

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **43/2020/HNGĐ-ST**.

Ngày 24 tháng 7 năm 2020.

V/v: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trần Kiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Tư;

2. Bà Hoàng Thị Hồng.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa: Ông Đặng Đức Hùng – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 38/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 21/2020/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị V, sinh năm 1983 (Vắng mặt, có đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn G, sinh năm 1981 (Vắng mặt).

Cùng có địa chỉ: Xóm C, thôn S 2, xã S, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị V trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn G đăng ký kết hôn ngày 13 tháng 6 năm 2003 tại UBND xã S, thành phố B. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện và được tự do tìm hiểu trước khi kết hôn, đã được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo nghi lễ truyền thống. Sau khi được gia đình tổ chức lễ cưới thì anh và chị về chung sống với nhau ngay.

Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2019 thì cuộc sống vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống. Từ đó, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra cãi nhau. Đến tháng 02 năm 2020, khi mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng, không thể chung sống thì vợ chồng ly thân, chị về nhà bố mẹ đẻ ở từ

đó đến nay. Nay, chị xác định không còn tình cảm vợ chồng. Chị đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn G.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Nguyễn Tuấn H, sinh ngày 05/5/2005 và Nguyễn Minh A, sinh ngày 29/11/2008. Ly hôn chị xin trực tiếp nuôi con chung là Nguyễn Minh A, anh Nguyễn Văn G trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Tuấn H, việc cấp dưỡng không yêu cầu.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Chị và anh Nguyễn Văn G tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Biên bản xác minh ngày 03/6/2020, đại diện thôn S 2 cung cấp: Chị Nguyễn Thị V và anh Nguyễn Văn G hiện vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa phương. Trong quá trình chung sống, vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn thế nào thì địa phương không rõ, anh chị đều có việc làm ổn định đủ điều kiện nuôi con, vợ chồng đã ly thân.

Đối với bị đơn là anh Nguyễn Văn G, trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt giấy báo làm việc, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải cũng như quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên toà theo đúng quy định của pháp luật nhưng anh G vẫn vắng mặt, không có lý do và không có quan điểm thể hiện việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử: Xử:

Chị Nguyễn Thị V được ly hôn anh Nguyễn Văn G.

Về con chung: Giao cho Chị V trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Minh A, sinh ngày 29/11/2008, giao cho anh G trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Tuấn H, sinh ngày 05/5/2005. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con, không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị V phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Xét yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị V thì thấy đây là quan hệ tranh chấp hôn nhân gia đình về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố B theo khoản 1 Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị Nguyễn Thị V có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Nguyễn Văn G đã được Toà án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vẫn vắng mặt tại phiên toà. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục vắng mặt đối với chị Nguyễn Thị V và anh Nguyễn Văn G.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Chị Nguyễn Thị V và anh Nguyễn Văn G kết hôn năm 2003 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được tự do tìm hiểu trước khi kết hôn và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện Y (nay là thành phố B), được cấp giấy chứng nhận kết hôn, nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

Theo trình bày của chị Nguyễn Thị V thì cuộc sống vợ chồng đã có mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng đã ly thân từ đầu năm 2020 đến nay, có thể thấy, quan hệ hôn nhân giữa anh chị đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình để xử cho chị Nguyễn Thị V được ly hôn anh Nguyễn Văn G.

[3]. Về con chung: Chị Nguyễn Thị V và anh Nguyễn Văn G có 02 con chung là Nguyễn Tuấn H, sinh ngày 05/5/2005 và Nguyễn Minh A, sinh ngày 29/11/2008. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, anh G không có quan điểm thể hiện việc có nguyện vọng nuôi con chung hay không. Tuy nhiên, Chị V đề nghị mỗi người trực tiếp nuôi một con, Hội đồng xét xử thấy là phù hợp, nên chấp nhận. Giao cho Chị V trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Minh A, sinh ngày 29/11/2008, giao cho anh G trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Tuấn H, sinh ngày 05/5/2005, theo quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4]. Về cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu xem xét giải quyết.

[6]. Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, buộc đương sự phải chịu án phí.

[7]. Về quyền kháng cáo: Áp dụng điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự để tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị V được ly hôn anh Nguyễn Văn G.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị V trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Minh A, sinh ngày 29/11/2008, giao cho anh Nguyễn Văn G trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Tuấn H, sinh ngày 05/5/2005. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con, không xem xét giải quyết.

Chị Nguyễn Thị V và anh Nguyễn Văn G không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Chị Nguyễn Thị V và anh Nguyễn Văn G không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị V phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B theo biên lai số AA/2016/0000932 ngày 06/02/2020. Xác nhận chị Nguyễn Thị V đã thi hành xong tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị V và anh Nguyễn Văn G vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a; 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND TP. B;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- CCTHADS TP. B;
- UBND phường T, thành phố B;
- Các đương sự.
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Trần Kiên

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Trần Kiên

